

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index đóng cửa tại mốc 1,693.21 điểm, giảm nhẹ 3 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 8/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Thực phẩm & đồ uống dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Công nghệ thông tin,...Ở chiều ngược lại, ngành Tiện ích giảm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng hơn 1 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX và mua ròng trên hai sàn còn lại. VN-Index đang trong quá trình dò đáy ngắn hạn; ngưỡng hỗ trợ tiếp theo của chỉ số là quanh 1,650 điểm. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng, ngược chiều với đà giảm của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 16/03/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-3.03** điểm, đóng cửa tại **1693.21** điểm. HNX-Index **-0.10** điểm, đóng cửa tại **245.74** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MCH (+2.90)**, **VHM (+1.79)**, **VCK (+0.75)**, **TCX (+0.63)**, **FPT (+0.44)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BSR (-2.43)**, **GAS (-1.92)**, **VPL (-1.00)**, **GVR (-0.79)**, **VNM (-0.57)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,382** tỷ đồng, giảm **-17.71%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,103 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 26.3 điểm. Thị trường có **149** mã tăng, **74** mã tham chiếu, **155** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1377.24** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **BSR (-181.33 tỷ)**, **VIC (-159.81 tỷ)**, **PVD (-147.28 tỷ)**, **VHM (-139.63 tỷ)**, **STB (-119.77 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **70.08** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.47%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - PVS (+4.50%)** ([Link báo cáo](#))
 - VHM (+2.04%)** ([Link báo cáo](#))
 - FPT (+1.56%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-0.34%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - NLG (+6.06%)** ([Link báo cáo](#))
 - CTD (+2.99%)** ([Link báo cáo](#))
 - DPG (+2.82%)** ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.47%	-0.34%	-0.18%	-0.03%
1 tuần	3.53%	3.58%	2.45%	4.06%
1 tháng	-3.36%	-3.18%	-7.18%	-8.21%
3 tháng	6.11%	5.53%	0.84%	-2.98%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,693.21	245.74	125.04
% 1D	-0.18%	-0.04%	0.23%
GTKL (tỷ VND)	20,382	1,575	768
%1D	-17.71%	-23.23%	-34.63%
GDNN (tỷ VND)	-1377.24	70.08	6.10

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MCH	114.30	BSR	-181.33
VCK	55.23	VIC	-159.81
PLX	49.11	PVD	-147.28
MSN	43.80	VHM	-139.63
TCX	33.98	STB	-119.77

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	6,632	-0.61%	-1.60%
FTSE100	10,273	0.12%	0.23%
Eurostoxx	5,701	-0.57%	0.78%
Shanghai	4,085	-0.26%	-0.29%
Nikkei	53,751	-0.13%	1.96%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	105.32	2.12%
Giá vàng	4,987	-1.30%
Tỷ giá		
USD/VND	26,321	0.01%
EUR/VND	30,880	-0.19%
JPY/VND	169	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	
LS LNH 1M	7.1%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MCH	149.80	7.00%	2.90	1.49
VHM	100.00	2.04%	1.79	5.81
VCK	33.40	6.88%	0.75	12.77
TCX	50.70	2.53%	0.63	1.48
FPT	78.20	1.56%	0.44	9.34

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	41.80	4.50%	0.54	12.12
HUT	16.70	2.45%	0.25	2.48
CEO	15.60	2.63%	0.13	12.30
MBS	24.70	0.82%	0.08	2.86
MST	8.30	7.79%	0.04	5.53

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MCH	149.80	7.00%	2.88	1.49
VCK	33.40	6.88%	1.19	12.77
NVL	13.50	6.72%	0.43	49.02
PTL	2.89	6.64%	0.00	0.23
SHI	14.85	6.07%	0.03	5.05

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VC1	14.50	9.85%	0.07	0.00
VCC	13.40	9.84%	0.12	0.14
ONE	10.40	9.47%	0.03	0.12
SGH	22.00	9.45%	0.10	0.00
PGN	5.80	9.43%	0.02	1.34

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BSR	32.75	-6.96%	-2.43	18.13
GAS	87.90	-4.25%	-1.92	5.48
VPL	76.60	-3.40%	-1.00	0.68
GVR	33.05	-2.79%	-0.79	4.87
VNM	61.80	-2.06%	-0.57	2.97

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

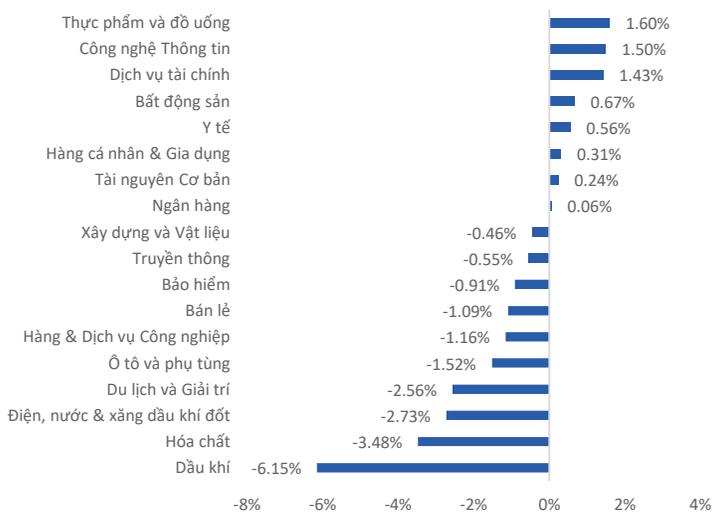
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	77.70	-2.75%	-1.09	0.02
KSV	154.00	-3.14%	-0.55	0.03
NVB	11.00	-0.90%	-0.11	0.11
IDC	43.70	-1.13%	-0.11	1.76
LAS	18.40	-8.91%	-0.10	3.41

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

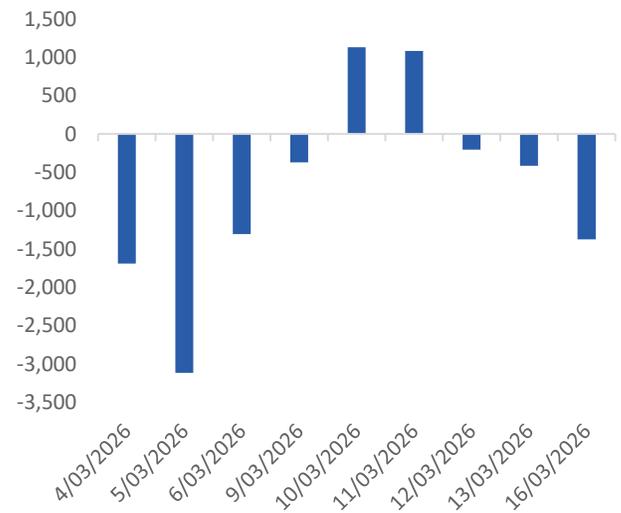
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVD	37.20	-7.00%	-0.31	9.65
SFC	18.60	-7.00%	0.00	0.00
DCM	44.55	-6.99%	-0.35	8.22
BSR	32.75	-6.96%	-2.43	18.13
EVF	14.05	-6.95%	-0.16	21.52

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QTC	31.10	-9.86%	-0.03	0.00
NFC	59.00	-9.09%	-0.33	0.00
SSM	5.00	-9.09%	-0.01	0.00
LAS	18.40	-8.91%	-0.72	3.41
PMC	130.00	-8.45%	-0.40	0.00

**Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2**


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

**Hình 2
Giao dịch khối ngoại**


Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tài báo cáo
MWG	Bán lẻ	80.6	-1.7%	1.2	118,355	443.1	4,777	16.9	113,000	48.9%	Link
KBC	Bất động sản	31.2	-2.5%	1.3	29,336	86.6	2,500	12.5	46,000	11.0%	Link
KDH	Bất động sản	26.2	0.8%	1.1	29,402	93.9	943	27.8	39,900	29.8%	Link
PDR	Bất động sản	15.6	1.0%	1.4	15,566	161.1	531	29.4	28,200	6.6%	Link
VHM	Bất động sản	100.0	2.0%	1.2	410,741	584.2	10,008	10.0	119,600	7.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	78.2	1.6%	0.8	133,214	734.6	5,511	14.2	124,400	33.8%	Link
BSR	Dầu khí	32.8	-7.0%	0.0	163,989	597.3	1,036		23,200	2.3%	Link
PVS	Dầu khí	41.8	4.5%	1.4	21,377	486.9	3,560	11.7	52,300	14.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	21.8	0.5%	1.2	23,489	106.6	1,454	15.0	-	34.0%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	28.4	0.0%	1.2	70,747	750.4	1,990	14.3	-	32.0%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	37.0	0.0%	1.1	31,411	332.0	1,849	20.0	-	18.7%	Link
DCM	Hóa chất	44.6	-7.0%	0.8	23,585	368.8	3,702	12.0	40,200	7.9%	Link
DGC	Hóa chất	73.9	-4.5%	0.9	28,066	716.8	7,965	9.3	109,300	7.9%	Link
ACB	Ngân hàng	23.5	0.0%	0.9	120,455	225.2	3,042	7.7	27,100	27.3%	Link
CTG	Ngân hàng	34.2	0.4%	1.2	265,241	177.5	4,454	7.7	53,500	25.3%	Link
HDB	Ngân hàng	25.6	0.0%	1.2	128,135	434.4	3,432	7.5	32,700	22.8%	Link
MBB	Ngân hàng	26.1	-0.2%	1.1	210,235	484.6	3,325	7.9	33,000	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.3	0.0%	0.9	35,100	31.5	1,804	6.2	14,000	29.1%	Link
STB	Ngân hàng	66.6	1.2%	0.9	125,555	734.8	3,150	21.1	-	13.7%	Link
TCB	Ngân hàng	30.2	0.7%	1.1	214,004	863.0	3,577	8.4	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.0	0.0%	1.2	44,385	121.6	2,660	6.0	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	58.8	-0.3%	1.0	491,314	241.4	4,210	14.0	75,800	20.5%	Link
VIB	Ngân hàng	17.0	0.6%	0.8	57,868	49.7	2,143	7.9	23,000	4.9%	Link
VPB	Ngân hàng	25.5	-0.6%	1.3	202,315	191.0	3,024	8.4	36,500	24.9%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.8	0.4%	1.1	205,319	535.8	2,013	13.3	32,200	22.5%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	14.4	0.4%	1.3	8,942	26.4	1,012	14.2	15,700	3.8%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	23.3	-0.9%	1.0	8,967	59.2	3,915	6.0	28,800	1.7%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	73.5	-0.5%	1.2	106,275	338.8	2,710	27.1	98,300	23.2%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.8	-2.1%	0.6	129,159	184.5	4,503	13.7	78,000	48.9%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.1	-0.12%	1.2	9,532	93.8	2,494	17.3	21.1%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	150.5	0.94%	0.8	25,630	29.0	4,667	32.2	32.6%	26.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	72.0	-0.96%	1.1	53,447	23.3	3,996	18.0	27.3%	12.6%	Link
DIG	Bất động sản	13.7	1.11%	1.3	10,911	138.9	990	13.9	2.6%	7.3%	Link
DXG	Bất động sản	14.0	0.00%	1.3	15,573	178.9	229	61.3	20.1%	1.9%	Link
HDC	Bất động sản	18.4	1.94%	1.3	3,665	50.8	2,559	7.2	1.5%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	28.6	0.53%	1.3	10,581	78.9	1,907	15.0	19.4%	10.9%	Link
IDC	Bất động sản	43.7	-1.13%	1.7	16,584	76.0	5,090	8.6	14.1%	32.0%	Link
NLG	Bất động sản	28.0	6.06%	1.2	13,583	182.7	1,805	15.5	41.0%	6.3%	Link
SIP	Bất động sản	57.6	-1.20%	1.0	13,946	10.8	5,601	10.3	2.7%	28.5%	Link
SZC	Bất động sản	30.0	1.53%	1.2	5,391	8.4	1,917	15.6	4.9%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	14.9	-1.66%	1.5	13,545	89.7	416	35.7	11.9%	3.0%	Link
VIC	Bất động sản	144.7	0.07%	1.1	1,115,063	357.8	1,739	83.2	2.7%	9.4%	Link
VRE	Bất động sản	25.9	2.57%	1.1	58,853	136.3	2,837	9.1	11.6%	14.3%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	29.9	1.70%	1.2	6,964	9.0	1,700	17.6	38.0%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	46.7	-3.51%	0.7	59,337	465.9	2,122	22.0	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	37.2	-7.00%	0.8	20,679	361.1	1,866	19.9	12.0%	6.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	27.5	0.55%	1.2	9,511	12.5	1,161	23.6	24.8%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	24.7	0.82%	1.6	16,482	70.6	1,883	13.1	0.5%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	87.9	-4.25%	0.9	212,098	473.3	4,730	18.6	2.3%	18.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.2	-0.75%	1.2	40,496	313.4	829	15.9	3.3%	7.1%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.4	-0.63%	0.6	34,341	64.8	4,669	13.6	49.0%	12.7%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	154.0	-1.79%	0.9	91,108	188.7	3,728	41.3	6.6%	10.1%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	33.3	-1.33%	1.7	30,050	135.7	1,638	20.3	7.0%	9.3%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	74.0	-2.50%	1.0	31,561	111.7	3,986	18.6	41.3%	13.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.0	-1.23%	0.9	9,456	118.9	6,781	8.3	6.1%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	24.1	-2.23%	0.5	11,325	547.1	2,210	10.9	12.9%	12.7%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	89.0	-0.11%	0.9	10,839	38.0	3,325	26.8	5.3%	24.1%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	118.0	0.94%	1.2	40,256	109.0	8,353	14.1	48.9%	23.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	23.5	-0.21%	0.9	2,633	21.1	2,402	9.8	48.5%	11.5%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	24.3	-2.02%	1.6	3,128	51.7	3,163	7.7	21.6%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	30.9	-6.93%	0.8	21,010	359.8	1,579	19.6	6.5%	9.6%	Link
GVR	Hóa chất	33.1	-2.79%	1.3	132,200	162.1	1,406	23.5	0.7%	10.3%	Link
EIB	Ngân hàng	22.4	-0.67%	1.2	41,632	173.5	610	36.6	3.5%	4.5%	Link
LPB	Ngân hàng	42.0	1.20%	0.4	125,466	50.6	3,824	11.0	0.8%	25.2%	Link
NAB	Ngân hàng	12.9	0.78%	0.5	22,132	48.4	2,438	5.3	1.4%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	10.8	0.47%	0.8	28,628	11.8	1,513	7.1	19.6%	12.3%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	14.0	0.72%	1.3	6,266	31.5	461	30.3	5.1%	2.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	24.2	0.62%	1.2	6,430	15.7	3,754	6.4	3.2%	31.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.2	0.00%	0.5	10,702	46.0	341	103.2	4.0%	2.8%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	44.5	0.23%	0.6	57,074	24.9	3,449	12.9	58.4%	19.9%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	60.6	0.00%	1.0	13,602	33.9	6,073	10.0	20.3%	15.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	138.4	-0.07%	0.5	11,330	13.9	15,010	9.2	83.3%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.8	2.99%	1.1	8,818	72.4	7,388	11.2	49.0%	8.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	81.6	0.12%	1.2	9,334	18.9	5,244	15.6	5.5%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	42.0	2.82%	1.2	4,981	24.0	3,189	13.2	19.1%	15.6%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.4	-1.20%	1.1	6,758	92.2	1,213	10.2	10.7%	5.9%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	26.3	-2.05%	1.0	10,796	179.0	2,553	10.3	16.3%	17.4%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.6	0.43%	0.9	15,257	445.4	6,084	3.9	3.5%	39.8%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	45.9	0.44%	1.4	20,579	21.4	3,130	14.7	2.6%	16.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Click
2	BSC Navigator T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Click
3	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
4	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
5	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
6	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
7	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
8	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
9	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
11	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
14	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
15	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
16	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
17	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
19	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
20	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
21	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower

210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660

Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>